

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2023
V/v: “Tranh chấp
hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH P

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt D

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu H

Ông Nguyễn Việt T

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Tuấn L - Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh P.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh P tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc H – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023, về việc “TrA chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: A Nguyễn Tiến D, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện B, thành phố H

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu Chùa, xã C, huyện C, tỉnh P

(A D có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, A Nguyễn Tiến D là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: A Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị Hồng T đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2007 tại UBND xã M, huyện B, thành phố Hà Nội, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nên đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn A D đề nghị được ly hôn với chị T.

- Về con chung: A Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị Hồng T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/3/2009. Ly hôn, A D đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Tuấn A và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng A.

- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: A Nguyễn Tiến D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân huyện C đã triệu tập bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T nhiều lần nhưng chị T mặc dù không có mặt ở địa phương nhưng đã được gia đình thông tin về việc Tòa án báo đến làm việc nhưng chị T vẫn không đến Tòa án làm việc, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Ngày 27/6/2023, Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành làm việc và lấy lời khai mẹ đẻ của chị T là bà Trần Thị Giống, bà Giống trình bày như sau: Chị T và A D đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2007 tại UBND xã M, huyện B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống với nhau cùng gia đình A D. Quá trình vợ chồng chung sống đến khoảng giữa năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng A D – chị T bà Giống không nắm được. Chị T bỏ về chung sống với gia đình bà tại khu Chùa, xã C từ thời gian đó đến nay, không chung sống với A D nữa. Nay A D xin ly hôn đối với chị T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị T và A D có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/3/2009, nếu chị T và A D ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Giống đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã giao tận tay và thông báo trực tiếp cho chị T nhưng chị T nói đang đi làm ăn xa nên không thể đến Tòa án làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là A Nguyễn Tiến D có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là thực hiện không đúng quy định pháp luật, gây khó khăn và kéo dài cho việc giải quyết vụ án Hội đồng xét xử xử vắng mặt cả hai đương sự là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: A Nguyễn Tiến D được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng T.
- Về con chung: Giao cho A Nguyễn Tiến D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/3/2009. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng A D.
- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
- Về án phí: A Nguyễn Tiến D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1]. TrA chấp giữa A Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị Hồng T là “TrA chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T có nơi cư trú tại Khu Chùa, xã C, huyện C, tỉnh P. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh P là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn là A Nguyễn Tiến D có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt cả hai đương sự là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: A Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị Hồng T được tự do tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của A Nguyễn Tiến D: A D và chị T trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống. A D và chị T đã sống ly thân từ khoảng năm 2010 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa nên A D xin ly hôn với chị T. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa A D và chị T tại nơi cư trú ngày 27/6/2023 tại xã C, huyện C, tỉnh P và ngày 03/7/2023 tại UBND xã M, huyện B, thành phố Hà Nội, đều xác định: Trong quá trình chung sống A Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị Hồng T có xảy ra mâu thuẫn. A D và chị T đã sống ly thân với nhau kể từ năm 2010 đến nay. Bà Trần Thị Giống mẹ đẻ chị T cũng xác nhận trong quá trình chung sống A D và chị T có xảy ra mâu thuẫn, chị T về nhà bà Giống từ năm 2010 và chị T không còn chung sống với A D nữa. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa A D không đạt được, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy A D yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: A Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị Hồng T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/3/2009. A D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tuấn A. Tại Bản tự khai ngày 20/6/2023 cháu Tuấn A có nguyện vọng muốn ở với A D. Chị T không đến Tòa án làm việc do đó xét thấy việc giao cháu Tuấn A cho A D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng A D vì A D tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu Tuấn A cùng A.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: A Nguyễn Tiến D không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí: A Nguyễn Tiến D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho A Nguyễn Tiến D được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng T.

[2]. Về con chung: Giao cho A Nguyễn Tiến D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/3/2009 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng A D do A D không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung; nợ chung và công sức đóng góp: Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về án phí: A Nguyễn Tiến D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận A Nguyễn Tiến D đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0008115 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh P.

[5]. A Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.C;
- UBND xã M,
- huyện B, thành phố H;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Việt D

